

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
KỲ THI THÁNG 04/2022

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
1	400507	Vũ Văn Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
2	400972	Vy Minh Hiếu	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
3	401572	Thiều Thị Trinh	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
4	401669	Đinh Thị Phương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
5	402514	Phạm Ngọc Hùng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
6	402656	Nguyễn Thị Thuận	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
7	410252	Vàng Duy Thành	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
8	410303	Lương Việt Cường	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
9	410323	Đỗ Thị Quỳnh Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
10	410555	Hoàng Thị Nhã	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
11	410627	Phạm Thị Ngọc Anh	Luật	Trung văn	4.0	Không đạt			
12	411115	Lê Thị Hồng Hạnh	Luật	Trung văn		Không đạt			
13	412842	Đinh Thị Phương Mai	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
14	420217	Hà Đức Lộc	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
15	420243	Phạm Đức Hiếu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
16	420257	Đoàn Thị Thanh Thanh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
17	420430	Ngô Thị Thùy Linh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
18	420440	Vũ Hồng Thành	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
19	420518	Quảng Thị Thu	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
20	420560	Đào Nam Cường	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
21	420805	Lê Thị Duyên	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
22	420929	Nguyễn Bích Hạnh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
23	421062	Bùi Mỹ Hải	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
24	421203	Nguyễn Thùy	Linh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
25	421432	Nguyễn Hải	Vân	Luật	Trung văn		Không đạt			
26	421463	Hoàng Hải	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
27	421608	Thò Bá	Lia	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
28	421659	Ma Lý	Phúc	Luật	Trung văn	3.5	Không đạt			
29	421663	Vũ A	Dềnh	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
30	421703	Nguyễn Quỳnh	Mai	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
31	421728	Trịnh Huy	Thắng	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
32	421829	Đỗ Thị Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
33	421863	Dương Công	Hiếu	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
34	421934	Hoàng Xuân	Son	Luật	Nga văn		Không đạt			
35	422064	Hoàng Xuân	Chính	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
36	422163	Trần Tú	Quỳnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
37	422254	Hoàng Diệu	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
38	422327	Hồ Thị Ngọc	Yến	Luật kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
39	422332	Bùi Tuyết	Chinh	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
40	422422	Ninh Thị Bích	Ngọc	Luật kinh tế	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
41	422706	Hà Thị	Phương	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
42	423138	Bùi Hoàng	Nguyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
43	423144	Nguyễn Hoàng Hà	Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
44	423147	Lê Anh	Thư	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
45	423158	Quách Như	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
46	423231	Vũ Thanh	Nhân	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
47	423239	Nguyễn Tất	Thành	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
48	430103	Lê Ngọc	ánh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
49	430104	Trần Nguyễn	Hoàng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
50	430105	Bùi Ngọc	Minh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
51	430107	Đặng Thị Ngọc	Diệp	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
52	430109	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
53	430111	Phạm Thị Huyền	Thương	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
54	430112	Mai Thị	Trang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
55	430114	Phạm Khắc Đăng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
56	430115	Nguyễn Thị Thu Hà	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
57	430116	Hà Thị Lương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
58	430117	Nguyễn Thị Phương Hào	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
59	430119	Phạm Thị Mai Quỳnh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
60	430120	Nguyễn Ngọc Khánh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
61	430121	Nguyễn Thị Thu Trang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
62	430125	Dương Thu Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
63	430127	Phan Tố Uyên	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
64	430130	Ngô Diệu Anh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
65	430131	Diêu Thị Quỳnh Hoa	Luật	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
66	430133	Phạm Thanh Nhàn	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
67	430136	Phạm Hoàng Dương	Luật	Anh văn	10.0	Đạt	3	B1	
68	430137	Lê Thị Khánh Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
69	430141	Nguyễn Ngọc Thúy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
70	430143	Đặng Thế Khang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
71	430147	Nguyễn Bích Ngọc	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
72	430150	Ngô Thị Mỹ Linh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
73	430151	Trần Gia Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
74	430156	Phạm Thị Kiều Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
75	430157	Đặng Mai Lan	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
76	430160	Hoàng Thị Thu Hà	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
77	430161	Mã Trung Thắng	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
78	430163	Long Xuân Đạo	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
79	430164	Lê Đại Quyền	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
80	430204	Nguyễn Hoàng Đức	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
81	430205	Nghiêm Thành Kiên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
82	430216	Nguyễn Đình Duy Quang	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
83	430222	Mạc Thị Vân Kiều	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
84	430226	Dương Thùy Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
85	430227	Lê Nam Trang	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
86	430228	Nguyễn Thị Thanh Bình	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
87	430231	Vũ Thăng Long	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
88	430234	Nguyễn Văn Hồng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
89	430235	An Văn Minh	Luật	Anh văn		Không đạt			
90	430238	Ngô Thị Thanh Phúc	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
91	430239	Trần Hương Giang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
92	430240	Vũ Thái Hà Châu	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
93	430242	Đặng Hà My	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
94	430244	Sa Thị Huyền Trang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
95	430245	Nguyễn Diễm Quỳnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
96	430250	Võ Anh Đức	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
97	430251	Trần Minh Nhật	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
98	430252	Trần Thị Thu Hương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
99	430253	Nguyễn Trần Yên Nhi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
100	430260	Hoàng Thị Hà	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
101	430262	Vì Thị Lan Hương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
102	430264	Chu Quỳnh Hoa	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
103	430265	Nguyễn Quốc Đạt	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
104	430307	Lê Thúy Hiền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
105	430309	Bùi Thị Kim Ngân	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
106	430322	Nguyễn Thị Thùy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
107	430323	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
108	430325	Phan Triệu Thu Thảo	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
109	430329	Trần Thu Thảo	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
110	430330	Nông Thùy Lam	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
111	430333	Vũ Ngọc Ninh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
112	430334	Lê Hải Yến	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
113	430337	Trần Thị Hậu	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
114	430338	Mai Thị Hoa Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
115	430340	Phùng Hải Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
116	430341	Ngô Hoàng Long	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
117	430342	Bùi Thị Ngọc ánh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
118	430343	Triệu Thị Hồng Thi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
119	430402	Nông Hương Giang	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
120	430411	Nguyễn Thị Duyên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
121	430413	Vũ Ngọc Long	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
122	430414	Phùng Phi	Pa	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
123	430415	Ma Hồng	Hạnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
124	430416	Nông Thị	Duyên	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
125	430418	Phạm Quang	Trương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
126	430419	Ma Cẩm	Ly	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
127	430420	Hoàng Thị Thu	Hiếu	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
128	430421	Tạ Quỳnh	Trang	Luật	Nga văn	4.0	Không đạt			
129	430423	Nguyễn Minh	Tuấn	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
130	430424	Hoàng Trọng Kiên	Trung	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
131	430425	Bạc Kim	Trang	Luật	Nga văn	7.5	Đạt	3	B1	
132	430426	Lãnh Ngọc	Tuấn	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
133	430428	Vũ Yến	Nhi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
134	430430	Lộc Thị Thanh	Tâm	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
135	430432	Lâm Thị	Thủy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
136	430434	Nguyễn Duy	Tiến	Luật	Nga văn	7.5	Đạt	3	B1	
137	430435	Hoàng Thị	Yến	Luật	Nga văn	3.5	Không đạt			
138	430436	Hà Nguyễn	Hiếu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
139	430437	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
140	430448	Hoàng Thị	Phấn	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
141	430455	Nguyễn Thị Thanh	Hương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
142	430461	Hứa Văn	Lợi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
143	430462	Vũ Thị	Trang	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
144	430463	Nông Văn	Hiếu	Luật	Anh văn		Không đạt			
145	430464	Lý Diệu	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
146	430511	Mùa Thị	Ka	Luật	Nga văn	7.0	Đạt	3	B1	
147	430512	Nguyễn Thị	Yến	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
148	430514	Nguyễn Thu	Hoài	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
149	430516	Hoàng Thị	Hạnh	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
150	430518	Nhâm Thị Diệu	Linh	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
151	430523	Nguyễn Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
152	430524	Vũ Thị	Yến	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
153	430526	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
154	430527	Trần Hồng	Hạnh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
155	430529	Vũ Thị Minh	Nguyệt	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
156	430530	Hoàng Thị Thơ	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
157	430531	Hứa Thị Khánh Ly	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
158	430532	Trần Chính Thanh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
159	430533	Dương Hoàng Trang	Luật	Nga văn	7.5	Đạt	3	B1	
160	430540	Đỗ Thu Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
161	430541	Trần Thị Lan Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
162	430543	Lê Hoàng Phương Mai	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
163	430545	Lê Ngọc Hồng	Luật	Nga văn	7.0	Đạt	3	B1	
164	430548	Nguyễn Đức Kiên	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
165	430549	Nguyễn Thùy Linh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
166	430551	Đào Quang Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
167	430553	Kiều Tường Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
168	430555	Nguyễn Thị Phương Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
169	430556	Lương Quỳnh Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
170	430557	Tô Thị Phương Thảo	Luật	Anh văn		Không đạt			
171	430559	Chu Thị Hiệp	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
172	430560	Triệu Văn Lâm	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
173	430562	Hoàng Như Hạnh	Luật	Trung văn	4.0	Không đạt			
174	430564	Lục Tuấn Nghĩa	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
175	430604	Trần Thị Ngọc Thùy	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
176	430610	Trần Thị Việt Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
177	430612	Hoàng Kim Ngân	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
178	430614	Lê Chiến Thắng	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
179	430615	Đoàn Hoài Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
180	430616	Võ Trần Minh Hương	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
181	430619	Bùi Thu Trà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
182	430621	Trịnh Thị Trang	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
183	430625	Bùi Thị Thủy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
184	430628	Nguyễn Thanh Bình	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
185	430629	Nguyễn Tài Chiến	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
186	430631	Nguyễn Tuấn Minh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
187	430632	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
188	430633	Hoàng Đức Mạnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
189	430635	Nguyễn Thị Thu Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
190	430637	Điền Thị Minh	Duyên	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
191	430638	Doãn Thế	Hiên	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
192	430642	Hoàng Minh	Đức	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
193	430644	Vũ Thị	Như	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
194	430646	Vũ Thu	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
195	430652	Lê Thùy	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
196	430653	Nguyễn Song	Mai	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
197	430654	Phan Thị Minh	Phương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
198	430656	Lê Anh	Thư	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
199	430660	Hoàng Văn	Mạnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
200	430701	Nguyễn Hữu	Thịnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
201	430702	Nguyễn Thị Mai	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
202	430703	Lữ Thị Bích	Hạnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
203	430707	Phan Thị	Hà	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
204	430711	Bùi Hoàng Ngọc	Minh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
205	430712	Hoàng Thị Thủy	Dương	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
206	430713	Vũ Hoàng	Long	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
207	430714	Nguyễn Kiều	Trình	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
208	430716	Lã Thị	Hà	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
209	430721	Nguyễn Thị	Trà	Luật	Nga văn	5.5	Đạt	3	B1	
210	430722	Tạ Thị Bình	Minh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
211	430723	Phạm Hải	Lâm	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
212	430724	Hoàng Thị	Thư	Luật	Nga văn	8.0	Đạt	3	B1	
213	430725	Lã Khánh Huyền	Anh	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
214	430727	Đào Huy	Hoàng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
215	430733	Trần Thùy	Dương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
216	430734	Lương Thị	Hoài	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
217	430735	Võ Hồng	Nhung	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
218	430739	Vũ Linh	Chi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
219	430742	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
220	430743	Trần Thị Hồng	Thắm	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
221	430747	Nguyễn Thị	Quỳnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
222	430748	Phạm Thị Thu	Hương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
223	430749	Trịnh La	Đa	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
224	430751	Nguyễn Phương Ly	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
225	430754	Phan Hồng Hạnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
226	430755	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
227	430757	Nông Thị Êm	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
228	430760	Trần Mai Phương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
229	430801	Nguyễn Trần Lâm	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
230	430808	Nguyễn Thị Huyền Vi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
231	430809	Lâm Huy Hoàng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
232	430812	Cao Văn Anh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
233	430813	Nguyễn Thanh Lộc	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
234	430814	Lê Thanh Huyền	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
235	430818	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
236	430821	Nguyễn Nam Trường	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
237	430825	Đỗ Thu Thảo	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
238	430829	Nguyễn Mạnh Đạt	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
239	430831	Hoàng Thị Giang Na	Luật	Nga văn	8.5	Đạt	3	B1	
240	430833	Bùi Hoàng Minh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
241	430840	Trần Triệu Sơn	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
242	430855	Hồ Thị Bảo Ngọc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
243	430903	Phan Thị Thiện	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
244	430905	Dương Thị Thơm	Luật	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
245	430907	Hoàng Thái Hà	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
246	430910	Hoàng Thị Huyền	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
247	430911	Nguyễn Bá Luật	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
248	430912	Phạm Thu Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
249	430913	Cần Mai Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
250	430916	Lý Văn Anh	Luật	Nga văn	6.5	Đạt	3	B1	
251	430921	Lê Hữu Vũ	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
252	430924	Phạm Thị Luyến	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
253	430925	Nguyễn Phương Thảo	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
254	430927	Lê Thị Ngọc ánh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
255	430930	Hoàng Thị Phương Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
256	430933	Tô Phương Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
257	430934	Lê Thị Minh Oanh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
258	430935	Trần Thị Thu	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
259	430940	Nguyễn Phương	Thảo	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
260	430951	Lê Thị Huệ	Chi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
261	430953	Nguyễn Ngọc	Mai	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
262	430955	Lưu Nhật	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
263	430959	Ban Văn	Hiếu	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
264	430961	Vũ Tuyên	Hoàng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
265	430963	Nông Huy	Hoàng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
266	431002	Trần Thị Phương	Dung	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
267	431006	Đặng Nam	Tùng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
268	431009	Hoàng Anh	Đức	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
269	431010	Lê Đình	Quang	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
270	431011	Phan Thu	Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
271	431012	Lâm Thị Thủy	Lệ	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
272	431013	Nguyễn Thị	Hạnh	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
273	431014	Nguyễn Khánh	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
274	431016	Đào Thị Phương	Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
275	431017	Nguyễn Khắc Quang	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
276	431018	Hoàng Tuấn	Minh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
277	431021	Ngô Thành	Đạt	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
278	431022	Hoàng Thị	Lân	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
279	431023	Trần Thị	Hương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
280	431024	Đồng Thị Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
281	431025	Phạm Thu	Huyền	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
282	431026	Đỗ Thị Hồng	Thủy	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
283	431029	Mã Thị Mai	Anh	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
284	431030	Vũ Đức	Tân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
285	431031	Lê Thị	Mai	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
286	431032	Nguyễn Hải	Dương	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
287	431035	Nguyễn Thị Minh	Hiền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
288	431041	Đỗ Thu	Hiền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
289	431044	Trần Thị Thùy	Dương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
290	431046	Phạm Thị Hương	Thảo	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
291	431048	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
292	431051	Lê Thị Lan	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
293	431052	Cầm Thảo	Ly	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
294	431053	Đinh Bích	Hòa	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
295	431059	Nguyễn Thị	Kiều	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
296	431061	Thảo A	Lữ	Luật	Trung văn	4.5	Không đạt			
297	431062	Nguyễn Phú	Cung	Luật	Trung văn	4.5	Không đạt			
298	431064	Trần Đình	Dương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
299	431104	Trần Thị Lan	Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
300	431107	Nguyễn Hải	Long	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
301	431110	Đào Phương	Thủy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
302	431113	Nguyễn Diệu	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
303	431115	Phạm Thị Bích	Hạnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
304	431116	Nông Ngọc	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
305	431117	Nguyễn Thu	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
306	431121	Nguyễn Thị	Thủy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
307	431122	Vũ Thị	Hòa	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
308	431125	Khương Phú	Vũ	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
309	431127	Nguyễn Đức	Thái	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
310	431135	Nguyễn Thị	Hà	Luật	Trung văn	4.0	Không đạt			
311	431139	Lê Thảo	Lam	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
312	431145	Trần Việt	Hùng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
313	431205	Trịnh Thị Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
314	431207	Nguyễn Tùng	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
315	431208	Hoàng Công	Minh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
316	431210	Trịnh Thị Hà	Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
317	431211	Trần Thị Lan	Phương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
318	431214	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
319	431217	Đỗ	Quyên	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
320	431219	Ngô Nhật	Minh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
321	431220	Bùi Thị Anh	Đào	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
322	431221	Nguyễn Văn	Khánh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
323	431222	Đỗ Đặng Phương	Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
324	431225	Đỗ Quốc	Khoa	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
325	431228	Đinh Thị Lệ	Khuyên	Luật	Nga văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
326	431233	Trần Minh Tâm	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
327	431234	Trần Thị Phương Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
328	431235	Trịnh Thị Hồng Diệu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
329	431236	Phạm Đặng Bích Trà	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
330	431239	Bùi Thị Thanh Phương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
331	431241	Dương Bảo Ngọc	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
332	431242	Đàm Nhân Lâm	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
333	431248	Nguyễn Thị Minh Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
334	431254	Trương Thị Minh Thu	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
335	431256	Tô Lan Hương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
336	431258	Chu Thúy Hiền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
337	431303	Phạm Thị Thủy	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
338	431304	Vũ Thị Hà Phương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
339	431307	Bùi Thị Huyền Vi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
340	431308	Ngô Diệu Hương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
341	431310	Hứa Minh Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
342	431311	Nguyễn Đức Tiến	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
343	431320	Hoàng Thị Phương Thảo	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
344	431323	Lô Đức Thiện	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
345	431324	Nguyễn Thị Hoài	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
346	431325	Trần Thế Nghĩa	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
347	431326	Bùi Thị Mai Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
348	431327	Quảng Văn Tiến	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
349	431328	Bùi Thị Bích Việt	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
350	431329	Nguyễn Thuý Huyền	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
351	431331	Ngô Thị Minh Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
352	431335	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Luật	Trung văn	4.0	Không đạt			
353	431338	Hoàng Thu Thảo	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
354	431340	Đinh Ngọc Hà	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
355	431341	Phạm Thị Thuý Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
356	431343	Đặng Phạm Kiều Trinh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
357	431344	Nguyễn Đức Quân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
358	431346	Nguyễn Thị Hà My	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
359	431347	Nguyễn Thị Hồng Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
360	431353	Lê Thục Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
361	431354	Nguyễn Xuân Hòa	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
362	431403	Dương ánh Hường	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
363	431405	Bùi Lê Nam Phương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
364	431407	Nguyễn Thanh Huyền	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
365	431408	Phạm Kim Tuyền	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
366	431411	Nguyễn Quốc Việt	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
367	431413	Nguyễn Thanh Lương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
368	431416	Nguyễn Hưng Thịnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
369	431418	Nguyễn Minh Tâm	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
370	431419	Lò Thị Ngọc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
371	431425	Ngô Thị ánh Ngọc	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
372	431427	Lê Quỳnh Nga	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
373	431428	Nguyễn Kim Hải	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
374	431433	Luân Minh Huê	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
375	431434	Trần Thị An Duyên	Luật	Nga văn	5.0	Đạt	3	B1	
376	431436	Cao Quốc Đại	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
377	431438	Đoàn Công Nam	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
378	431439	Lưu Thị Hoàng Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
379	431441	Lê Thị Phương Thảo	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
380	431447	Vũ Thị Lan Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
381	431450	Lê Hồng Phong	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
382	431453	Phạm Thị Phương Mai	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
383	431456	Chu Hiếu Vy	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
384	431458	Lương Thị Linh Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
385	431501	Bùi Bích Phương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
386	431503	Phùng Quốc Tuấn	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
387	431510	Vương Thị Ngoan	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
388	431513	Nguyễn Hương Thu	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
389	431514	Vũ Ngọc Diệp	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
390	431519	Nguyễn Thị Vân	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
391	431520	Mai Thị Thu Hiền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
392	431525	Đào Thị Huê	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
393	431532	Đào Cẩm Ly	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
394	431533	Trịnh Thị Thu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
395	431536	Nguyễn Hương Lan	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
396	431543	Phan Ngọc Nhi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
397	431544	Nguyễn Quỳnh Mai	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
398	431545	Nguyễn Phương Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
399	431546	Nguyễn Thị Hòa An	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
400	431556	Ma Hà Trang	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
401	431557	Nông Tuấn Anh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
402	431558	Triệu Ngọc Tùng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
403	431559	Triệu Mùi Nhảy	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
404	431560	Hoàng Trung Vinh	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
405	431562	Quách Thanh Chương	Luật	Trung văn	3.5	Không đạt			
406	431563	Mùi Thị Huyền	Luật	Nga văn	6.0	Đạt	3	B1	
407	431603	Hoàng Đăng Đạt	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
408	431604	Đỗ Thị Thủy	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
409	431605	Đặng Phương Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
410	431612	Đinh Thị Thanh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
411	431613	Lê Thu Phương	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
412	431618	Nguyễn Thu Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
413	431620	Vũ Thị Phương Hoa	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
414	431621	Phạm Nam Phương	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
415	431624	Nguyễn Thị Phương Oanh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
416	431625	Tăng Phương Khánh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
417	431626	Nguyễn Phan Quý Liên	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
418	431630	Nguyễn Thuý Dung	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
419	431634	Lê Phan ý Nhi	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
420	431636	Nguyễn Hồng Ngọc	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
421	431639	Dương Nguyễn Minh Hiểu	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
422	431640	Bùi Hồng Ngọc	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
423	431643	Trần Thị Thanh Tú	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
424	431646	Nguyễn Thị Mai	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
425	431648	Đào Thị Phương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
426	431649	Vũ Kim Phượng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
427	431650	Nguyễn Quang Huy	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
428	431652	Nguyễn Hà Thu	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
429	431653	Hoàng Thị Thanh Bình	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
430	431654	Nguyễn Thị Thùy Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
431	431655	Quách Tuấn Long	Luật	Nga văn	8.0	Đạt	3	B1	
432	431656	Nguyễn Ngọc Mai	Luật	Nga văn	6.0	Đạt	3	B1	
433	431657	Nguyễn Ngọc Mai	Luật	Nga văn	6.5	Đạt	3	B1	
434	431661	Nông Ngọc Lưu	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
435	431662	Vì Văn Trường	Luật	Nga văn	5.0	Đạt	3	B1	
436	431664	Nguyễn Việt Hoàng	Luật	Nga văn	6.0	Đạt	3	B1	
437	431665	Lưu Bình An	Luật	Anh văn		Không đạt			
438	431701	Nguyễn Anh Thư	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
439	431702	Trần Thị Thu Hiền	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
440	431704	Nguyễn Quỳnh Trang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
441	431705	Võ Thị Thục Quỳnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
442	431707	Nguyễn Thu Phương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
443	431710	Nguyễn Huyền Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
444	431711	Nguyễn Thanh Thương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
445	431713	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Luật	Nga văn	5.0	Đạt	3	B1	
446	431714	Trần Thị Bích	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
447	431716	Nguyễn Chi Bảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
448	431718	Nguyễn Đỗ Công Quang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
449	431719	Bùi Thị Minh Phương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
450	431720	Nguyễn Thị Lan Hương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
451	431721	Hà Minh Thùy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
452	431726	Nguyễn Thanh Hiền	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
453	431728	Trịnh Thế Quyền	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
454	431729	Đỗ Văn Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
455	431730	Bùi Đình Đạt	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
456	431737	Hà Văn Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
457	431738	Tạ Ngọc Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
458	431741	Phạm Quốc Nam	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
459	431743	Lê Thị Thu Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
460	431744	Lưu Thu Trà	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
461	431745	Bùi Thị Thu Hương	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
462	431751	Đinh Cẩm Tú	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
463	431752	Lê Mai Phương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
464	431753	Đỗ Thị Hào	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
465	431755	Trần Thị Thìn	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
466	431757	Ngô Ngọc Huyền	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
467	431758	Đỗ Thúy Quỳnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
468	431759	Hoàng Thị Thu Hoài	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
469	431761	Tô Bé Thảo	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
470	431763	Hoàng Thị Bé Nhài	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
471	431802	Nguyễn Ngọc Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
472	431805	Lý Thị Loan	Luật	Trung văn		Không đạt			
473	431807	Đặng Phương Thảo	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
474	431811	Nguyễn Mạnh Hùng	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
475	431813	Đinh Khánh Duy	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
476	431817	Lý Thu Hoài	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
477	431820	Lê Thanh Hường	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
478	431823	Nguyễn Trường Giang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
479	431825	Trần Thị Lệ	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
480	431828	Trần Minh Thọ	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
481	431830	Ngô Thị Lệ	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
482	431834	Hoàng Lê Ngọc Tiến Đạt	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
483	431836	Phan Quang Huy	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
484	431838	Nguyễn Thị Hà Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
485	431842	Nguyễn Quỳnh Hoa	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
486	431843	Ninh Thị Hồng Nhung	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
487	431844	Vũ Thanh Lâm	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
488	431845	Bùi Đình Nghĩa	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
489	431847	Nguyễn Phương Linh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
490	431848	Cao Thị Ngọc ánh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
491	431851	Nguyễn Phương Anh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
492	431857	Nguyễn Sinh Khôi	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
493	431859	Hoàng Thị Lan Nhi	Luật	Trung văn	3.0	Không đạt			
494	431860	Vì Khánh Hòa	Luật	Anh văn	2.5	Không đạt			
495	431861	Hà Thị Hành	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
496	431904	Nguyễn Văn	Giang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
497	431910	Trần Hoài	Nam	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
498	431911	Đỗ Việt	Phương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
499	431912	Lương Ngọc	ánh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
500	431914	Nguyễn Hải	Dương	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
501	431916	Phạm Kiều	Oanh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
502	431917	Kiều Trọng Tiến	Dũng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
503	431918	Bùi Thị	Thủy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
504	431920	Lương Thị Thanh	Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
505	431927	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
506	431928	Hàng Thị	Ca	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
507	431934	Hà Thị Khánh	Linh	Luật	Nga văn	6.5	Đạt	3	B1	
508	431935	Đinh Nguyễn Hoàng	Duyên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
509	431936	Nguyễn Văn	Hoàng	Luật	Nga văn	3.0	Không đạt			
510	431937	Vũ Phương	Thảo	Luật	Nga văn	7.0	Đạt	3	B1	
511	431938	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
512	431940	Phạm Thu	Nga	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
513	431941	Chu Thị Mỹ	Hồng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
514	431943	Nguyễn Ngọc Bảo	Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
515	431944	Lê Bảo	Ngọc	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
516	431946	Trần Ngọc	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
517	431948	Vũ Thị	Chinh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
518	431950	Lê Thị Lan	Hương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
519	431952	Khổng Thủy	Dung	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
520	431953	Khuất Minh	Phương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
521	431954	Cao Lam	Giang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
522	431955	Đào Thị Linh	Chi	Luật	Nga văn	7.0	Đạt	3	B1	
523	431959	Dương Lộc Công	Hiếu	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
524	431960	Đỗ Hồng	Hải	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
525	431961	Hoàng Thị	Thương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
526	431962	Trần Thủy	Hạnh	Luật	Trung văn		Không đạt			
527	431963	Hoàng Văn	Khánh	Luật	Trung văn		Không đạt			
528	432001	Trần Thị Minh	Hàng	Luật	Nga văn	7.5	Đạt	3	B1	
529	432002	Phan Đỗ Huyền	Trang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
530	432003	Dinh Diệu Ly	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
531	432005	Dặng Thị Quỳnh Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
532	432012	Nguyễn Ngọc Yến	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
533	432013	Nguyễn Khánh Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
534	432022	Triệu Ngọc Minh	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
535	432026	Nguyễn Thu Trang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
536	432029	Triệu Quỳnh Giao	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
537	432033	Chu Văn ánh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
538	432036	Hoàng Anh Dũng	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
539	432037	Nguyễn Văn Nam	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
540	432042	Lê Thị Hải Vân	Luật	Nga văn	4.0	Không đạt			
541	432043	Lê Thu Hằng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
542	432044	Nguyễn Mai Phương	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
543	432046	Phùng Văn Khanh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
544	432052	Vũ Quỳnh Nga	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
545	432053	Tương Kim Yến	Luật	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
546	432055	Hoàng Thu Uyên	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
547	432061	Nguyễn Thùy Dương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
548	432063	Ma Thành Nam	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
549	432101	Vũ Thu Hằng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
550	432103	Nguyễn Thị An	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
551	432104	Nguyễn Thị Ngân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
552	432106	Bùi Thị Quỳnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
553	432107	Đỗ Thu Phương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
554	432108	Dặng Thị Lan	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
555	432109	Lê Hoàng Hoa	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
556	432112	Nguyễn Phương Nhung	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
557	432113	La Thu Huyền	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
558	432114	Lê Thị Thanh Tâm	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
559	432115	Đỗ Thùy Dương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
560	432116	Phạm Thị Ngân	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
561	432120	Liêu Thị Kim Ngân	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
562	432122	Vì Thảo Hà	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
563	432123	Phan Thị Hiền	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
564	432125	Nguyễn Ngọc Mai	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
565	432130	Đào Thị Xuân Mai	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
566	432132	Phan Văn Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
567	432133	Vương Thị Hồng Liên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
568	432135	Nguyễn Quỳnh Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
569	432137	Nguyễn Tiến Công	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
570	432143	Nguyễn Ngọc Huyền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
571	432149	Lê Thu Trang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
572	432150	Nguyễn Kiều Trang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
573	432154	Nguyễn Lan Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
574	432161	Hà Thị Hằng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
575	432162	Đàm Quỳnh Hương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
576	432163	Hoàng Minh Thương	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
577	432207	Bùi Khánh Linh	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
578	432210	Trịnh Thu Quỳnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
579	432212	Vũ Long Khánh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
580	432213	Lê Yến Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
581	432216	Hoàng Hà Thảo	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
582	432217	Nguyễn Lê Giang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
583	432219	Vũ Thái Hưng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
584	432221	Nông Thanh Tuyền	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
585	432227	Đỗ Mai Hương Giang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
586	432229	Tăng Thị Hồng Hạnh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
587	432230	Biện Hồng Thơm	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
588	432232	Hoàng Như Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
589	432233	Ngân Thị Vinh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
590	432234	Hoàng Thị Hải Yến	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
591	432236	Lê Thị Hương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
592	432238	Lê Thị Minh Hằng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
593	432240	Hoàng Thị Xim	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
594	432244	Phạm Hoàng Loan	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
595	432246	Trịnh Hà Chi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
596	432247	Nguyễn Thành Tuệ	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
597	432248	Lương Hùng Quyền	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
598	432250	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
599	432251	Nguyễn Thảo	Ly	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
600	432257	Phan Như	Quỳnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
601	432258	Nguyễn Phương	Thảo	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
602	432259	Giảng Thị	Dín	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
603	432262	Hà Ngọc	Linh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
604	432263	Nguyễn Văn	Phương	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
605	432303	Nguyễn Thị	Thanh	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
606	432304	Trần Thanh	Liên	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
607	432307	Nguyễn Thị	Châm	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
608	432310	Lưu Thị	Dín	Luật kinh tế	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
609	432311	Lương Ngọc Bảo	Minh	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
610	432312	Đặng Nhật	Minh	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
611	432318	Nguyễn Linh	Chi	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
612	432321	Bùi Xuân	Mai	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
613	432322	Vũ Tiên	Phong	Luật kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
614	432323	Nguyễn Thị	Trang	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
615	432326	Nguyễn Thu	Hòa	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
616	432327	Nguyễn Thái	Thảo	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
617	432328	Dương Yến	Nguyệt	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
618	432329	Phan Thị	Phương	Luật kinh tế	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
619	432331	Đặng Triều	Dương	Luật kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
620	432332	Ngô Hà	Anh	Luật kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
621	432333	Nguyễn Hà	Phương	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
622	432336	Đỗ Minh	Hiếu	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
623	432345	Phan Thị Phương	Mai	Luật kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
624	432346	Quách Hạnh	Phương	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
625	432348	Dương Hoàng	ánh	Luật kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
626	432351	Nguyễn Thị Hải	Anh	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
627	432352	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Luật kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
628	432353	Trần Thị	Hương	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
629	432354	Nguyễn Như	Hà	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
630	432356	Mùa Thị	Sua	Luật kinh tế	Trung văn		Không đạt			
631	432357	Trần Hải	Long	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
632	432362	Đỗ Phương Anh	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
633	432364	Phạm Thị Hồng Liên	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
634	432367	Chu Đức Dũng	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
635	432401	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
636	432404	Lý Thị Phòng	Luật kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
637	432407	Lê Thùy Dung	Luật kinh tế	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
638	432408	Lê Hoàng Đạt	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
639	432409	Phạm Thị Thuần	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
640	432413	Phan Thị Uyên	Luật kinh tế	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
641	432418	Hoàng Thị Thu Trang	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
642	432421	Hoàng Nguyễn Ngọc Hà	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
643	432422	Hoàng Linh Chi	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
644	432424	Đào Thị Hồng	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
645	432427	Nguyễn Thanh Phương	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
646	432428	Nguyễn Thanh Bằng	Luật kinh tế	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
647	432429	Hoàng Minh Quân	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
648	432430	Lương Thị Vân Anh	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
649	432431	Trần Thị Thủy Anh	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
650	432433	Hoàng Thu Diễm	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
651	432434	Nguyễn Thị Huyền	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
652	432435	Trương Thanh Huyền	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
653	432439	Hoàng Lan Hương	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
654	432441	Hàn Quang Tùng	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
655	432442	Lê Kim Chi	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
656	432443	Lý Hồng Nhung	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
657	432444	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
658	432445	Hoàng Thị Kim Ly	Luật kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
659	432447	Nguyễn Thị Hạnh	Luật kinh tế	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
660	432450	Nguyễn Hà Thu	Luật kinh tế	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
661	432451	Phạm Thùy Linh	Luật kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
662	432452	Đỗ Mạnh Tiến	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
663	432453	Nguyễn Thị Hường	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
664	432454	Nguyễn Minh Hạnh	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
665	432456	Cao Đức Trọng	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
666	432460	Đặng Thị Nhung	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
667	432461	Đinh Thị Thu	Luật kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
668	432464	Lục Thu Hòa	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
669	432465	Nguyễn Dương Phương Thủy	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
670	432466	Trần Thị Thơm	Luật kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
671	432501	Nông Bích Thương	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
672	432502	Lê Thị Phương Linh	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
673	432510	Nguyễn Phương Thảo	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
674	432512	Trần Lâm Thành Đạt	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
675	432513	Dương Thị Thanh Lam	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
676	432514	Phạm Thị Trang	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
677	432515	Nguyễn Thị Kiều Trang	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
678	432517	Ngô Văn Đông	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
679	432518	Hà Huyền Trang	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
680	432520	Hà Thị Cảnh	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
681	432523	Phạm Thị Thanh Bình	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
682	432524	Trần Đức Anh	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
683	432525	Trần Thanh Long	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
684	432526	Nguyễn Thị Hương	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
685	432529	Đào Duy Tú	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
686	432530	Nguyễn Tuấn Vũ	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
687	432532	Nguyễn Văn Tuyên	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
688	432533	Khuất Thị Ngọc ánh	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
689	432536	Trần Tiến Anh	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
690	432539	Hoàng Thị Hồng Phương	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
691	432540	Lê Thị Ngọc Trâm	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
692	432541	Bùi Thị Linh Chi	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
693	432542	Hoàng Như Quỳnh	Luật kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
694	432543	Trần Lê Hồng Nhung	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
695	432544	Vũ Thị Phương Thảo	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
696	432545	Nguyễn Minh Phúc	Luật kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
697	432546	Nguyễn Phương Thảo	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
698	432547	Nguyễn Khánh Linh	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
699	432549	Phùng Thị Hồng Phượng	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
700	432550	Nguyễn Quang	Minh	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
701	432553	Bùi Thị Thuý	Linh	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
702	432559	Phạm Anh	Tùng	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
703	432565	Nguyễn Mạnh	Hà	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
704	432608	Đào Thị Phương	Lan	Luật kinh tế	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
705	432611	Nguyễn Thảo	Nguyên	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
706	432612	Trần Thị Thu	Hương	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
707	432613	Lý Mỹ	Lan	Luật kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
708	432616	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
709	432617	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
710	432618	Đoàn Thị Thu	Trang	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
711	432619	Nguyễn Thị Lan	Anh	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
712	432620	Vũ Thị Hồng	Trang	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
713	432622	Nguyễn Thị	Thảo	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
714	432623	Vũ Phước	Hùng	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
715	432625	Phạm Phương	Anh	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
716	432626	Nguyễn Thị Thu	Hoài	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
717	432631	Phùng Thị Hồng	Hạnh	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
718	432633	Nguyễn Thị	Phượng	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
719	432635	Nguyễn Thế	Son	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
720	432638	Cao Thị Ngọc	Oanh	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
721	432639	Vũ Lê	Khanh	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
722	432640	Bùi Thị Kim	Giang	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
723	432642	Hoàng Khắc	Vinh	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
724	432646	Nguyễn Quang	Huy	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
725	432655	Lê Viên	Huy	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
726	432666	Hoàng Tùng	Lâm	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
727	432702	Lê Nguyễn Nguyệt	Giang	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
728	432703	Nguyễn Hữu	Long	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
729	432707	Trần Ngọc Quỳnh	Hương	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
730	432712	Vũ Hoàng	Chung	Luật kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
731	432714	Đổng Văn	Long	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
732	432715	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
733	432716	Dinh Thị Hiền	Anh	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
734	432717	Trần Phương Mai	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
735	432718	Đỗ Thu Hằng	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
736	432719	Nguyễn Thùy Trang	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
737	432720	Trần Thị Hiền	Luật kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
738	432721	Lê Hồng Nhung	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
739	432722	Đào Phương Nhi	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
740	432723	Nguyễn Thị Huệ	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
741	432724	Đặng Hà Giang	Luật kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
742	432731	Hà Thị Loan	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
743	432733	Hoàng Thị Thanh Hương	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
744	432734	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
745	432735	Đào Quỳnh Anh	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
746	432736	Trần Thị Ngọc	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
747	432737	Vũ Ngọc Hà	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
748	432739	Hoàng Thị Nhớ	Luật kinh tế	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
749	432740	Bùi Thị Kim Quý	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
750	432742	Lê Thị Ngọc Huyền	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
751	432743	Đặng Thu Hương	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
752	432744	Nghiêm Thị Hà My	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
753	432746	Phùng Hà Vy	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
754	432747	Bùi Đức Toàn	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
755	432749	Bùi Thị Thảo Hương	Luật kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
756	432750	Trần Thị Ngân	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
757	432751	Phạm Thị Hà	Luật kinh tế	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
758	432754	Lê Thị Mai Chi	Luật kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
759	432756	Lô Văn Mạnh	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
760	432757	Hoàng Trường Huy	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
761	432759	Vũ Thị Mai Hương	Luật kinh tế	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
762	432760	Đỗ Văn Long	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
763	432761	Trần Thị Tú Giang	Luật kinh tế	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
764	432765	Nguyễn Thị Thùy Dung	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
765	432801	Hoàng Thị Trang	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
766	432802	Bùi Thị Thơm	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
767	432804	Phạm Thị Ly	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
768	432806	Bùi Thị	Hường	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
769	432807	Lã Kim	Xuyến	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
770	432811	Nguyễn Thúy	Huyền	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
771	432816	Bùi Thị Thu	Thúy	Luật kinh tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
772	432820	Nguyễn Anh	Thư	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
773	432824	Bùi Hoàng	Tung	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
774	432826	Phạm Thị	Phương	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
775	432827	Bùi Thùy	Dung	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
776	432831	Nguyễn Cẩm	Tú	Luật kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
777	432832	Nguyễn Thị	Yến	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
778	432833	Nguyễn Thị	ánh	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
779	432834	Nguyễn Thị Minh	Trang	Luật kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
780	432835	Phan Minh	Trâm	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
781	432836	Phạm Thụy Nhật	Anh	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
782	432838	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
783	432839	Hà Lê	Hương	Luật kinh tế	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
784	432841	Phạm Thị	Duyên	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
785	432843	Hà Thu	Hiền	Luật kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
786	432848	Nguyễn Hải	Quang	Luật kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
787	432851	Lù Anh	Son	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
788	432856	Hoàng Lại Minh	Giang	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
789	432857	Nguyễn Văn	Thắng	Luật kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
790	432859	Trình Thị	Biển	Luật kinh tế	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
791	432860	Nguyễn Tuấn	Anh	Luật kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
792	432862	Mông Cẩm	Tú	Luật kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
793	432863	Vũ Thu	Hằng	Luật kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
794	432865	Vũ Việt	Anh	Luật kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
795	432902	Ngô Đại	Đồng	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
796	432903	Nguyễn Thùy	Trang	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
797	432905	Vũ Quang	Minh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
798	432908	Nguyễn Yến	Ninh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
799	432909	Dương Vũ	Quang	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
800	432910	Dương Ngọc	Sang	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
801	432916	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
802	432917	Lưu Linh Chi	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
803	432921	Đổng Phú Trọng	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
804	432923	Nguyễn Doãn Anh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
805	432924	Nguyễn Hữu Hiếu	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
806	432925	Trịnh Ngọc Long	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
807	432928	Nguyễn Hà Minh Ngọc	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
808	432930	Phạm Hoàng Anh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
809	432934	Đoàn Trần Ngọc Quỳnh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
810	432940	Dặng Thị Phương Thảo	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
811	432946	Phạm Thái An	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
812	432952	Nguyễn Thị Minh Thảo	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
813	432955	Ngô Hương Anh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
814	432958	Phạm Thanh Trang	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
815	433002	Đàm Thu Hương	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
816	433003	Ngô Diệu Linh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
817	433004	Nguyễn Hồng Minh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
818	433006	Trần Thiên Long	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
819	433009	Nguyễn Thu Hà	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
820	433010	Lê Thị Quỳnh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
821	433013	Đào Bảo Anh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
822	433018	Nguyễn Bảo Ngọc	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
823	433022	Đinh Ngọc Anh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
824	433027	Lê Thị Trang Nhi	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
825	433031	Đinh Thị Phương Thảo	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
826	433034	Vũ Đức Long	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
827	433035	Nguyễn Thị Mai Hương	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
828	433036	Phạm Như Hoa	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
829	433038	Trần Thị Minh Hiền	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
830	433039	Nguyễn Thị Hồng Anh	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
831	433045	Nguyễn Thị Mai Lan	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
832	433046	Hoàng Ngọc Mai	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
833	433047	Bùi Thu Thảo	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
834	433048	Đỗ Hoàng Nguyên	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
835	433049	Bùi Hà Thu	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
836	433050	Phan Thế Cường	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
837	433055	Bùi Tuấn Kiệt	Luật thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
838	433056	Vương Bích Ngọc	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
839	433101	Lê Diệu Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
840	433103	Đinh Thị Anh Đào	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
841	433104	Nguyễn Quang Bách	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
842	433108	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
843	433110	Vũ Thị Hoài Thu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
844	433111	Trần Quang Duy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
845	433112	Ngô Thị Tú Oanh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
846	433115	Phạm Giang Tùng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
847	433116	Chữ Hồng Liên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
848	433117	Nguyễn Vĩnh Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
849	433118	Dương Tuấn Long	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
850	433119	Trần Minh Thu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
851	433123	Nguyễn Duy Long	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
852	433124	Tạ Hồng Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
853	433126	Nguyễn Quốc Thành	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
854	433128	Đặng Hồng Hân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
855	433129	Nguyễn Khánh Hiệp	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
856	433131	Nông Thúy Hạnh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
857	433137	Nguyễn Tùng Dương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
858	433140	Dương Quang Huy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
859	433143	Lương Thị Hồng Liên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
860	433145	Lê Thị Phương Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
861	433147	Nguyễn Thu Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
862	433148	Lương Thị Như Quỳnh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
863	433151	Lê Thị Vân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
864	433153	Nguyễn Thị Hải Ninh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
865	433155	Nguyễn Thị Thu Hiền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
866	433156	Đoàn Hải Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
867	433162	Đỗ Thị Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
868	433164	Nguyễn Thị Minh Hằng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
869	433165	Đỗ Văn Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
870	433166	Nguyễn Quỳnh Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
871	433168	Nguyễn Thị Khánh Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
872	433202	Trần Thu Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
873	433203	Trần Ngọc ánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
874	433204	Đỗ Thu Trà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
875	433206	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
876	433207	Vũ Trần Quang Huy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
877	433209	Đinh Thế Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
878	433210	Nguyễn Thị Nam	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
879	433216	Uông Thu Hằng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
880	433218	Bùi Hồng Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
881	433219	Trương Hải Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
882	433224	Phạm Thị Khánh Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
883	433226	Tân Phương Thu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
884	433227	Hà Thị Quyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
885	433228	Vương Hồng Nhung	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
886	433230	Hoàng Thị Hà Phương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
887	433235	Phạm Thị Như Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
888	433236	Nguyễn Thị Thu Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
889	433243	Hoàng Chu Diệu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
890	433244	Đinh Thị Phương Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
891	433246	Nguyễn Thu Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
892	433249	Nguyễn Minh Quang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
893	433250	Trương Thị Phương Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
894	433253	Đặng Bùi Thiên Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
895	433254	Nông Thị Hồng Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
896	433262	Phạm Việt Huy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	9.0	Đạt	5	C1	
897	433264	Đỗ Tiến Chiến	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
898	433265	Ngô Nam Dương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
899	433303	Lê Thị Hạnh Ngân	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
900	433304	Văn Chí Hiếu	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
901	433307	Nguyễn Khánh Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
902	433310	Nguyễn Minh Hạnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
903	433314	Nguyễn Trường Lâm	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
904	433320	Trần Thị Phương	Trà	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
905	433326	Chu Minh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
906	433327	Tạ Trường	Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
907	433329	Nguyễn Hoàng	Yến	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
908	433330	Nguyễn Thanh	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
909	433331	Nguyễn Như	Trang	Luật kinh tế	Trung văn	9.5	Đạt	3	B1	
910	433334	Đỗ Thúy	Diệu	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
911	433340	Vũ Thùy	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
912	433408	Nguyễn Việt	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
913	433410	Đào Thu	Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
914	433416	Vũ Ngọc Hiền	Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
915	433418	Nguyễn Khánh	Ly	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
916	433420	Nguyễn Hà Trường	An	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
917	433421	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
918	433423	Đào Duy	Hùng	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
919	433424	Nguyễn Hải	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
920	433426	Trương Quang	Vũ	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
921	433431	Đỗ Thị Việt	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
922	433433	Phạm Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
923	433434	Đoàn Ngọc	Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
924	433439	Nguyễn Khánh	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
925	433501	Nguyễn Kim	Hùng	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
926	433502	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
927	433503	Nguyễn Thị Minh	Châu	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
928	433504	Nguyễn Tuấn	Đức	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
929	433506	Đào Phương	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
930	433513	Trương Tuyết	Nhung	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
931	433518	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
932	433523	Lại Hữu	Dăng	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
933	433524	Nguyễn Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
934	433534	Nguyễn Quỳnh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
935	433535	Nguyễn Hà	Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
936	433602	Lê Kim	Ngọc	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
937	433608	Cao Thị Minh	Dan	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ CEFR	Ghi chú
938	433623	Lương Bằng	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
939	433624	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
940	433628	Phùng Kim	Ngân	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
941	433631	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
942	433634	Phạm Thị Hoàng	Mai	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
943	433636	Nguyễn Phương	Thanh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
944	433638	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
945	433641	Nguyễn Hà	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
946	433642	Phạm Chí	Hiếu	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
947	LTCQ0122	Vũ Thị Mỹ	Hương	Luật	Anh văn		Không đạt			

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC


 Nguyễn Trần Dương

KT, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 PHÓ CHỦ TỊCH
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 LUẬT
 HÀ NỘI
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 Lê Đình Nghị